TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HS-ST
Ngày 26 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Đương và bà Lê Thị Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên **Hoàng Thị T** - sinh ngày 01/10/1987 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: Xóm 3, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Lương và bà Thái Thị Bốn; Chồng Võ Quang An, sinh năm 1966 và có 02 con; Tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2020 đến ngày 15/8/2020 hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Nguyễn Thị Lệ Hằng, sinh năm 1976

Trú tại: Xóm 4, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ an (Vắng mặt).

2, Võ Thị Bình, sinh năm 1974

Trú tại: Xóm Lưu Quang, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ an (Có mặt).

3, Nguyễn Quốc Đức, sinh năm 1977

Trú tại: Xóm 1, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ an (Vắng mặt).

4, Hoàng Thị Thanh, sinh năm 1975

Trú tại: Xóm Lưu Thịnh, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ an (Vắng mặt).

5, Thái Thị Lợi, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm Yên Hương, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ an (Vắng mặt).

6, Bùi Thị Hằng, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm 1, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ an (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoản thời gian từ ngày 17/01/2018 đến ngày 31/7/2019, Hoàng Thị Tuyết, sinh ngày 01/10/1987, trú tại: xóm 3, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với các cá nhân, cụ thể:

1. Các giao dịch với chị Nguyễn Thị Lệ Hằng sinh ngày 23/10/1976 trú tại xóm 4- xã Đông Sơn- huyện Đô Lương- Nghệ An

Thông qua mối quan hệ quen biết nên từ ngày 02/8/2018 đến ngày 30/11/2018, Chị Hằng đã vay tiền của T 06 lần, cụ thể:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 02/8/2018 chị Hằng đến nhà T ở khu tập thể 495- xã Đà Sơn- huyện Đô Lương- Nghệ An để vay với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất là 5.000 đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 20 triệu đồng từ ngày 02/08/2018 đến 02/01/2019 số tiền lãi T đã thu từ chị Hằng: 15.000.000đ (=20.000.000đ x 180% : 12 tháng x 5 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 1.666.667đ (= (20.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 5 tháng)), còn lại số tiền 13.333.333đ (=15.000.000 đ – 1.666.667đ) là số tiền thu lợi bất chính.

Lần thứ hai: Ngày 09/08/2018 cùng phương thức và thỏa thuận vay như trên, T tiếp tục cho chị Hằng vay số tiền là 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất là 5.000 đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 30 triệu đồng từ ngày 09/08/2018 đến 09/01/2019 số tiền lãi T đã thu từ chị Hằng: 22.500.000đ (=30.000.000đ x 180% : 12 tháng x 5 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 2.500.000đ (= (30.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 5 tháng)), còn lại số tiền 20.000.000đ (=22.500.000 đ – 2.500.000đ) là số tiền thu lợi bất chính.

Lần thứ ba: Ngày 17/8/2018, chị Hằng tiếp tục vay của T số tiền 10.000.000đ(Mười triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất là 5.000 đ/1.000.000

đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 10 triệu đồng từ ngày 17/08/2018 đến 17/01/2019 số tiền lãi T đã thu từ chị Hằng: 7.500.000đ (=10.000.000đ x 180% : 12 tháng x 5 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 833.333đ {= (10.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 5 tháng)}, còn lại số tiền 6.666.667đ (=7.500.000 đ – 833.333đ) là số tiền thu lợi bất chính.

Lần thứ tư: Ngày 07/9/2018 chị Hằng vay của T số tiền 10.000.000đ(Mười triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất là 5.000 đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 10 triệu đồng từ ngày 07/09/2018 đến 07/01/2019 số tiền lãi T đã thu từ chị Hằng: 6.000.000đ (=10.000.000đ x 180% : 12 tháng x 4 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 666.667đ {= (10.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 4 tháng)}, còn lại số tiền 5.333.333đ (=6.000.000 đ – 533.333đ) là số tiền thu lợi bất chính.

Lần thứ năm: Ngày 17/10/2018, chị Hằng vay của T số tiền 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất là 5.000 đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 20 triệu đồng từ ngày 17/10/2018 đến 17/01/2019 số tiền lãi T đã thu từ chị Hằng: 9.000.000đ (=20.000.000đ x 180% : 12 tháng x 3 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 1.000.000đ {= (20.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 3 tháng)}, còn lại số tiền 8.000.000đ (=9.000.000 đ – 1.000.000đ) là số tiền thu lợi bất chính.

Lần thứ sáu: Ngày 30/11/2018, chị Hằng vay của T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất là 5.000 đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 50 triệu đồng từ ngày 30/11/2018 đến 30/01/2019 số tiền lãi T đã thu từ chị Hằng: 12.000.000đ (=50.000.000đ x 180% : 12 tháng x 2 tháng – 3.000.000đ do chị hằng thiếu nợ chưa có trả lãi cho T) nhưng số tiền thiếu nợ T không cho chị Hằng mà cộng dồn thành nợ do vậy số tiền T đã nhận và còn thiếu được tính là tổng số lãi T thu là: 15 triệu. Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 1.000.000đ {= (50.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 2 tháng)}, còn lại số tiền 10.333.333đ (=12.000.000 đ – 1.666.667đ) là số tiền thu lợi bất hợp pháp

Như vậy, tổng số tiền mà T cho chị Hằng vay thông qua 06 lần giao dịch trên là: 140 triệu đồng, tổng số tiền lãi đã thu là: 72 triệu đồng, trong đó số tiền thu lợi bất

chính mà T thu được từ việc cho chị Hằng vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 63.666.666đ (=13.333.333đ + 20.000.000đ + 6.666.667đ + 5.333.333đ + 8.000.000đ + 10.333.333đ). Hiện tại số tiền gốc 140 triệu chị Hằng vay của 06 giao dịch trên chưa trả cho T

*** Giao dịch gộp các khoản vay trên:**

- Đến ngày 03/4/2019, do chị Hằng còn thiếu nợ tiền lãi tháng 03, 04 năm 2019 của 06 khoản vay trên với số tiền gốc gộp lại là: 140.000.000đ (=20.000.000đ + 30.000.000đ + 10.000.000đ + 10.000.000đ + 20.000.000đ + 50.000.000đ) (Một trăm bốn mươi triệu đồng) hai bên thống nhất lãi suất là 5.000 đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày tức tính tròn 01 năm = 360 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay gộp của 06 giao dịch: 140 triệu đồng từ tháng 03, 04/ 2019 số tiền lãi T đã tính thu từ chị Hằng: 45.000.000đ (=140.000.000đ x 180% : 12 tháng x 2 tháng) + 3.000.000đ)} (Tiền lãi của giao dịch 6 mà chị Hằng chưa trả. Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 3.455.708đ {= (20.000.000đ x 20% : 12 tháng x 02 tháng) + (30.000.000đ x 20% : 360 ngày x 53 ngày - lãi từ ngày 10/01/2019->03/4/2019) + (10.000.000đ x 20% : 360 ngày x 55 ngày - lãi từ ngày 08/01/2019->03/4/2019) + (10.000.000đ x 20% : 360 ngày x 45 ngày - lãi từ ngày 18/01/2019->03/4/2019) + (20.000.000đ x 20% : 360 ngày x 45 ngày - lãi từ ngày 18/01/2019->03/4/2019) + (50.000.000đ x 20% : 360 ngày x 32 ngày - lãi từ ngày 31/01/2019->03/4/2019)}, còn lại số tiền 41.505.556đ (= 45.000.000 đ – 3.494.444đ) là số tiền thu lợi bất hợp pháp. Số tiền lãi này chị T chưa thu được từ chị Hằng, do chị Hằng không có tiền để trả lãi của tổng các khoản vay trong tháng 02, 03/2019 nên chị Hằng viết giấy vay nợ T số tiền 45 triệu đồng.

- Tới ngày 26/5/2019, T gộp số tiền gốc 140 triệu còn nợ và 45 triệu tiền lãi của tháng 2,3/2019 chị Hằng chưa trả T để tính lãi từ ngày 03/4/2019 đến ngày 26/5/2019 là: 53 ngày số tiền trên, hai bên thống nhất lãi suất là 5.000đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày, tròn năm 30 x 12 tháng = 360 ngày. Nhưng thực tế T thu tiền lãi trong 53 ngày của giao dịch này là: 48 triệu vậy lãi suất T cho vay là: 176,4%/ 01 năm {= (48.000.000đ : 185.000.000đ x 100% : 53 ngày) x 365 ngày}, thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 8,82 lần (=176,4% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 185 triệu đồng (=140 triệu đồng + 45 triệu đồng), trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 5.447.222đ {= (185.000.000đ x 20% : 360 ngày) x 53 ngày)}, còn lại số tiền 42.552.778đ (=48.000.000 đ – 5.447.222đ) là số tiền thu lợi bất hợp pháp

- Ngày 31/7/2019, T tính gộp các khoản vay từ ngày 26/5/2019 đến ngày 31/7/2019 trong 65 ngày: Tổng các khoản vay: 233 triệu (= 140 triệu (gốc) + 45 triệu (lãi của 140 triệu) + 48 triệu (lãi của 140 triệu + 45 triệu). Hai bên thống nhất lãi suất là 5.000đ/1.000.000 đ/1 ngày và tính tròn 01 năm 2019 = 360 ngày. Nhưng thực tế T thu tiền lãi của giao dịch này là: 70 triệu vậy lãi suất T cho vay là: 166,37%/ 01 năm {= (70.000.000đ : 233.000.000đ x 100% : 65 ngày) x 360 ngày},

thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 8,18 lần (=166,37% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 233 triệu đồng (gồm: gốc và lãi gộp gốc) số tiền lãi T đã tính thu từ chị Hằng: 75.725.000đ {(=185.000.000đ x 180% : 360 tháng x 65 tháng) nhưng do chị Hằng không có trả nên đã viết thành một món nợ mới là: 70 triệu (tiền lãi T giảm cho chị Hằng 5.725.000đ). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 8,413,889đ {= (233.000.000đ x 20% : 360 ngày) x 65 ngày)}, còn lại số tiền 61,586,111đ (=70.000.000 đ – 8.413.889đ) là số tiền thu lợi bất hợp pháp.

Như vậy, tổng tiền mà T gộp lại theo 03 giấy vay nợ trên là: 233 triệu do số nợ gốc 140 triệu và hình thành từ các khoản lãi do T không thu được từ chị Hằng, trong đó số tiền thu lợi bất chính mà T thu được từ việc cho chị Hằng vay lãi nặng trong 03 giao dịch dân sự là: 145.644.445đ (=41.505.556đ + 42.552.778đ + 61,586,111đ)

* Đến ngày 31/07/2019, Hoàng Thị T thống nhất với chị Nguyễn Thị Lệ Hằng tổng số tiền mà chị Hằng nợ T bao gồm tổng của 6 lần vay đầu tiên cộng với số tiền gốc được hình thành từ tiền lãi gộp lại từ 03 giấy vay nợ tổng số tiền: 303.000.000đ (Ba trăm linh ba triệu đồng chẵn) (=140.000.000đ + 45.000.000đ + 48.000.000đ + 70.000.000đ). Do chị Hằng không còn có khả năng trả tiền lãi, nên T thống nhất yêu cầu chị Hằng trả là 6.000.000đ/01 tháng từ ngày 31/07/2019 cho đến tháng 07/2020, thì lãi suất cho vay là 23,762%/ năm (=6.000.000đ : 303.000.000đ x 100%/01 tháng x 12 tháng). T thu tiền lãi của tổng khoản vay này với số tiền 6 triệu đồng/ 01 tháng, ngày 31/07/2020 Chị Hằng có chuyển khoản trả cho T 6 triệu đồng tiền lãi, với mức lãi suất trên sẽ không đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, nên không xem xét tính vào khoản tiền mà T đã thu lợi bất chính của chị Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Như vậy, số tiền mà Hoàng Thị T thu lợi bất chính của chị Nguyễn Thị Lệ Hằng là: 209.311.111 (Hai trăm linh chín triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó, số tiền 63.666.666đ(Sáu mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là số tiền T đã nhận được trên thực tế. Số tiền còn lại : 145.644.445đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng) là số tiền được xác nhận bằng giấy vay nợ giữa T và chị Hằng, trên thực tế T chưa thu được.

2. Các giao dịch với chị Võ Thị Bình sinh ngày 13/7/1974 trú tại xóm Lưu Quang- xã Lưu Sơn- huyện Đô Lương- Nghệ An

Ngày 17/01/2018 và ngày 28/01/2018, Hoàng Thị T cho chị Võ Thị Bình vay 2 lần với tổng số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Theo quy định, T tính lãi suất 5000đ/1 triệu đồng/ 1 ngày. thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 9 lần (=180% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản vay 20 triệu đồng từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2019 là 22 tháng số tiền lãi T đã thu từ chị Bình: 66.000.000đ (=20.000.000đ x 180% : 12 tháng x 22 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 7.333.333đ (= (20.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 22 tháng)), còn lại số tiền 58.666.667đ (=66.000.000 đ – 7.333.333đ) là số tiền thu lợi bất chính.

Tới tháng 11/2019 đến tháng 5/2020, Hoàng Thị T có thu của chị Bình số tiền 10.000.000đ(Mười triệu đồng), giữa T và chị Bình thống nhất đây là tiền lãi của khoản vay trên trong 7 tháng. Lãi suất thực tế của khoản vay trong thời gian này là 85,714%/năm (=10.000.000đ : 20.000.000đ x 100%) : 7 tháng x 12 tháng).Với mức lãi suất trên thì số lần vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 4,285 lần, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét tính vào khoản tiền mà T đã thu lợi bất chính của chị Võ Thị Bình.

Số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mà T cho chị Bình vay của 02 giao dịch trên trong thời gian 22 tháng với số tiền lãi T đã thu là: 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng). Trong đó: tiền T thu lợi bất chính của chị Bình là: 58.666.667đ (Năm mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Hiện số tiền thu lợi bất chính này T đã trả lại cho chị Bình, còn chị Bình chưa trả số tiền gốc mà chị Bình đã vay ban đầu của T.

Tổng cộng từ đầu tháng 01 năm 2018 đến tháng 10/2019 Hoàng Thị T đã thông qua 08 giao dịch dân sự cho 02 cá nhân vay tổng số tiền thực tế là: 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), mức lãi suất thấp nhất của hành vi phạm tội là 167%/năm, mức lãi suất cao nhất của hành vi phạm tội là 180%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 267.977.778, nhưng thực tế T đã thu số tiền lãi bất chính từ hành vi phạm tội là: 122.333.333đ (= 63.666.666đ + 58.666.667đ), còn lại số lợi bất chính đã hình thành từ các giao dịch nhưng trên thực tế chưa thu được là: 145.644.445đ.

Ngoài ra, Hoàng Thị T còn cho 05 người vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 09/10/2017, T cho anh Nguyễn Quốc Đức, trú tại xóm 1- xã Đà Sơn- huyện Đô Lương- Nghệ An vay số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) nhưng do mỗi quan hệ bạn bè quen biết nên T không lấy tiền lãi.

Vào đầu năm 2018 (Không xác định được cụ thể thời gian) T cho chị Hoàng Thị Thanh, trú tại xóm Lưu Thịnh, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương vay số tiền 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 2000đ/1 triệu đồng/ 1 ngày, lãi suất được trả theo tháng, tức là lãi suất 72%/ 1 năm. Hành vi này không cấu thành tội phạm.

Tháng 11/2018, Hoàng Thị T cho chị Thái Thị Lợi, trú tại xóm Yên Hương, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương vay số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng). Theo thỏa thuận lãi suất là 5.000đ (Năm nghìn đồng)/ 1.000.000đ/ 1 ngày, lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng tính 30 ngày ,tức lãi suất 180%/năm. Lãi suất được trả theo tháng. Và chị Lợi đã trả được số tiền lãi cho T trong tháng đầu tiên với số tiền 4.500.000đ(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, đến tháng 12/ 2019, Chị Lợi trình bày hoàn cảnh khó khăn nên T đã đồng ý thống nhất tính số tiền lãi đã thu ở trên cho chị Lợi trong vòng 12 tháng. Như vậy, lãi suất thực tế T thu trong khoản vay này là 15%/năm. Hành vi này không cấu thành tội phạm.

Tháng 11/2018, T cho chị Bùi Thị Hằng, ở xóm 1- xã Hòa Sơn- huyện Đô Lương- Nghệ An vay tổng số tiền là 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) trong đó có hai khoản vay mỗi khoản 5.000.000đ(Năm triệu đồng), T tính lãi suất là 5.000đ

(Năm nghìn đồng)/ 1.000.000đ/ 1 ngày, lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng tính 30 ngày ,tức lãi suất 180%/năm. Lãi suất được trả theo tháng. Và chị Hằng đã trả được số tiền lãi cho T trong tháng đầu tiên với số tiền 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, đến tháng 12/ 2019, cũng như trường hợp chị Lợi, chị Hằng trình bày hoàn cảnh khó khăn nên T đã đồng ý thống nhất tính số tiền lãi đã thu ở trên cho chị Hằng trong vòng 12 tháng. Như vậy, lãi suất thực tế T thu trong khoản vay này là 15%/ năm. Hành vi này không cấu thành tội phạm.

Vào tháng 12/2019, Hoàng Thị T cho anh Trần Văn Hồng, ở xã Đông Sơn- huyện Đô Lương- Nghệ An vay số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng). Khoản vay này đã được Hoàng Thị T viết giấy cho vay nợ, có chữ ký của Hoàng Thị T, anh Trần Văn Hồng chưa ký vào. Qua xác minh được biết anh Trần Văn Hồng hiện tại không có mặt ở địa phương nên cơ quan CSĐT Công an huyện Đô Lương đang tiếp tục tiến hành điều tra để làm rõ khoản vay này.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã thu giữ:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương đã thu giữ của Hoàng Thị Tuyết gồm:

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 180614160 mang tên Hoàng Thị Tuyết
- 01(một) giấy phía trên có dòng chữ "Gà rán 168-Happeness" có chữ ký của Hoàng Thị Tuyết
- 01(một) quyển sổ ghi chép mua vật tư, vật liệu làm nhà màu đen bên trong các trang có chữ ký và số được ký tên Hoàng Thị Tuyết
- 01(một) tờ giấy kẻ ô ly mang nhãn hiệu Quang Huy có chữ ký của Hoàng Thị Tuyết

Quá trình điều tra xác định những vật chứng trên không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương đã trả lại cho Hoàng Thị Tuyết.

Đối với nhưng vật chứng gồm:

- 01(một) điện thoại di động IPHONE 7 màu vàng nhạt, số IMEI:353823080383639, bên trong có sim số: 0376193137
- 01(một) giấy cho vay tiền có chữ ký của Hoàng Thị Tuyết nhưng không có chữ ký của người vay
- 01(một) thẻ ngân hàng BIDV, số thẻ 0704180069872075 mang tên Hoàng Thị Tuyết

Đây là những vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện Đô Lương.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lệ Hằng yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu lợi bất chính thông qua việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 63.666.666 đồng xét đây là yêu cầu hợp pháp nên cần buộc bị cáo trả lại cho chị Hằng số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKS-ĐL ngày 16/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội "Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo Hoàng Thị T thừa nhận trong thời gian từ tháng 1/2018 đến ngày 10/5/2019 đã thông qua các giao dịch dân sự cho 02 cá nhân vay tổng số tiền 160.000.000 đồng với mức lãi suất vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 267.977.778 đồng (thực tế số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính được 122.333.333 đồng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Bình có mặt thừa nhận còn nợ tiền gốc và hành vi của các bị cáo như bản cáo trạng nhưng cho rằng thực chất mình chưa nhận được tiền thu lợi bất chính tuy nhiên lại không có chứng cứ gì để chứng minh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lệ Hằng vắng mặt nhưng đã có bản tự khai thừa nhận còn nợ tiền gốc và hành vi của bị cáo như bản cáo trạng truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đề nghị:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, i, b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:. Truy thu tại chị Nguyễn Thị Lệ Hằng là 140.000.000 đồng; truy thu tại chị Võ Thị Bình số tiền 20.000.000 đồng;

- Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Hoàng Thị T toàn bộ số tiền lãi tương ứng với lãi xuất 20/%/năm đã thu của 02 người với tổng số tiền là 33.022.222 đồng.

Về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lệ Hằng: Điều 468 Bộ luật dân sự; tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp cho chị Hằng với số tiền 63.666.666 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ giải

quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến ngày 10/2019, Hoàng Thị T đã dùng tổng số tiền 160.000.000 đồng thông qua giao dịch dân sự cho 02 người vay với mức lãi cao quá 5 lần mức lãi suất pháp luật cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, để thu lợi bất chính số tiền 267.977.778 đồng (Thực tế T đã thu được số tiền thu lợi bất chính là 122.333.333 đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự nên, Hội đồng xét xử chấp nhận xác định Tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo theo truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương.

Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý tài chính của Nhà nước. Trong tình hình hiện nay, hoạt động tín dụng đen đang bùng phát, làm rối loạn trong thị trường tài chính, gây mất ổn định xã hội và tạo ra những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay. Do vậy, cần kịp thời đưa ra xét xử và lên một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo không có tình tiến tăng nặng trách nhiệm hình sự mà có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Để giảm nhẹ phần nào cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Số tiền gốc 160.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn mức 20%/năm là lợi tức phát sinh từ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Nhưng do chị Hằng và chị Bình chưa trả cho bị cáo tiền gốc nên cần truy thu từ chị Hằng và chị Bình.

Đối với tiền bị cáo thu lợi bất chính từ chị Hằng 63.666.666 đồng cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho chị Hằng.

Đối với 01(một) điện thoại di động IPHONE 7 màu vàng nhạt, số IMEI:353823080383639, bên trong có sim số: 0376193137 đây là công cụ phương tiện bị cáo dung vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

Đối với 01(một) thẻ ngân hàng BIDV, số thẻ 0704180069872075 mang tên Hoàng Thị Tuyết không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho Hoàng Thị T.

Đối 01(một) giấy cho vay tiền có chữ ký của Hoàng Thị Tuyết nhưng không có chữ ký của người vay là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã thu lợi bất chính từ chị Hằng với số tiền 63.666.666 đồng cần buộc bị cáo hoàn trả lại cho chị Hằng.

Chị Võ Thị Bình có mặt tại phiên tòa cho rằng mình chưa nhận được tiền thu lợi bất chính từ bị cáo. Nhưng trong hồ sơ thể hiện chị Bình là người trực tiếp viết giấy xác nhận đã nhận đủ số tiền trên. Mặt khác chị Bình không hề có chứng cứ gì chứng minh việc chưa nhận được tiền. Như vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Bình về việc buộc bị cáo phải trả khoản tiền trên cho chị Bình.

Trong vụ án này bị cáo còn cho một số người vay nhưng chưa đủ cấu thành tội phạm , những người này vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo thống nhất không yêu cầu những người này phải trả lại tiền vay tại vụ án này và sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Xét đây là yêu cầu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội "**Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự**".

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s, i, b khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị T cho UBND xã Đà Sơn, huyện Đô Lương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ

quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu tiền 33.022.222 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi hai đồng) từ bị cáo Hoàng Thị T để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) từ chị Nguyễn Thị Lệ Hằng, sinh năm 1976, trú tại Xóm 4, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) từ chị Võ Thị Bình, sinh năm 1974, trú tại Xóm Lưu Quang, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước (một) điện thoại di động IPHONE 7 màu vàng nhạt, số IMEI:353823080383639, bên trong có sim số: 0376193137.

Trả lại cho Hoàng Thị T 01(một) thẻ ngân hàng BIDV, số thẻ 0704180069872075 mang tên Hoàng Thị Tuyết.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) giấy cho vay tiền có chữ ký của Hoàng Thị Tuyết nhưng không có chữ ký của người vay.

(Vật chứng trên có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên buộc bị cáo phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ Hằng số tiền 63.666.666 đồng (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất 10% một năm tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

- Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Người có QL và NVLQ;
- CQĐT Công an huyện Đô Lương;
- CQTHAHS huyện Đô Lương;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Anh